

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS-ST

Ngày 24-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kháng và bà Nguyễn Thị Ngà.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Học viện Tòa án, đường B, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST - HS ngày 20/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST - HS ngày 04/4/2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn K, sinh năm 1971.

Nơi sinh, cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Trương Thị H2, sinh năm: 1968 con: Có 05 con, con nhỏ nhất sinh năm 2020, con lớn nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/9/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. K bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Tô Thị Thanh T, sinh năm: 1985, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Tô Văn T1, sinh năm: 1986, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn K là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do cần tiền tiêu sài nên K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bố đẻ của Phạm Văn K là ông Phạm Ngọc H (chết năm 2019) và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H1 (hiện già yếu, đang sinh sống ở thôn Đ, xã Đ) sinh được 06 người con gồm anh Phạm Ngọc H4, chị Phạm Thị C, chị Phạm Thị K1, Phạm Văn K, anh Phạm Quang Á và anh Phạm Đức A. Vợ chồng ông H, bà H1 có được thừa kế lại thửa đất diện tích khoảng 700m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện V và không xảy ra tranh chấp với ai. Ngày 01/5/2003, ông H, bà H1 họp gia đình để phân chia đất cho các con trai, cụ thể như sau: Anh Phạm Ngọc H4 (con trai cả) đã ra ở riêng khu đất khác nên không được chia đất. Chia cho Phạm Văn K (con trai thứ 2) 95 m² đất, chia cho anh Phạm Quang Á (con trai thứ 3) 220 m² đất, chia cho anh Phạm Đức A (con trai thứ 4) phần đất còn lại. Sau khi phân chia đất xong thì Phạm Văn K đã bán 95 m² đất được chia cho em trai là anh Phạm Quang Á. Đến đầu năm 2005, K và chị Vũ Thị H3 sống cùng nhau và ở nhờ trên thửa đất của anh Ánh tại thôn Đ, xã Đ.

Năm 2006, anh Ánh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 247,9 m² tại thôn Đ, xã Đ (trong đó có 95m² đất mua của K). Đến năm 2009 anh Phạm Ngọc H4 (anh trai K) đã xây 01 ngôi nhà 03 gian rộng khoảng 70m² trên thửa đất, đồng thời anh H4, anh Ánh và K thống nhất tiếp tục cho gia đình K ở nhờ để trông nom nhưng không được phép chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Do nghiện ma túy và cần tiền tiêu sài nên K nảy sinh ý định rao bán thửa đất của anh Phạm Quang Á lấy tiền. K nói với một số người rao bán 150 m² đất ở tại thôn Đ, xã Đ, huyện V (là đất K đang ở nhờ của anh Ánh). Khi biết K rao bán đất, anh Dương Quốc T2 đã nói chuyện anh Dương Tiến N (là người môi giới đất). Sau đó anh Dương Tiến N nói chuyện với anh Nguyễn Văn L việc K muốn bán đất. Do thấy chị Tô Thị Thanh T có nhu cầu mua đất nên ngày 23/01/2021, anh Nguyễn Văn L nói với chị T là “có mảnh đất ở trong làng T, xã Đ có người muốn bán”. Chị T và em trai ruột là anh Tô Văn T1 đặt vấn đề nhờ anh L liên hệ dẫn đi xem.

Khoảng 09 giờ ngày 23/01/2021, chị T, anh L, anh T1 đến thôn Đ thì anh N đón rồi dẫn đến nhà K xem đất thì gặp K đang ở nhà. Thấy chị T và anh T1 đến xem đất, K dẫn mọi người ra xem đất, đồng thời nói “thửa đất bên cạnh này là của anh, còn nhà đang ở là của bố mẹ, bây giờ anh muốn bán 150m đất, còn đất bên trong anh để sử dụng”. Chị T có hỏi về sổ đỏ của thửa đất thì K nói dối là do gia đình không sử dụng đến nên sổ đỏ vẫn để ở Ủy ban nhân dân xã Đ. Hai bên thống nhất, K sẽ bán

150m² đất ở giáp với đường đi của thôn Đ cho chị T, anh T1 với giá 5.000.000 đồng/01m² và ngày 24/01/2021 bên mua sẽ mang tiền đến nhà K đặt cọc.

Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 24/01/2021, chị T, anh T1, anh L, anh N đến nhà K đặt cọc số tiền mua đất như đã thỏa thuận thì gặp một mình K đang ở nhà. Chị T nói với K là khi viết giấy đặt cọc phải có mặt và có chữ ký của hai vợ chồng K thì K nói “vợ anh đi làm công ty, tôi mới đi làm về”. Khi nghe K nói vậy thì chị T bảo “tôi em bận không vào được, để hôm sau em vào xin chữ ký của chị” thì K đồng ý. Chị T đặt cọc cho K số tiền 50.000.000 đồng thì K bảo “anh chỉ lấy 40.000.000 đồng đặt cọc thôi”. Sau đó chị T lấy giấy bút rồi tự viết “Giấy đặt cọc tiền đất” đề ngày 24/01/2021 trước mặt K và sự chứng kiến của anh L, anh N, anh T2, anh T1. Sau khi viết xong chị T đọc lại toàn bộ nội dung cho mọi người nghe rồi đưa lại Giấy đặt cọc tiền đất cho K ký dưới ghi rõ họ tên mục người bán, chị T và anh T1 ký, ghi rõ họ tên dưới mục người mua. Anh T2 ký, ghi rõ họ tên dưới mục người làm chứng. Sau khi mọi người ký xong thì chị T bảo với K là “*ngày mai em mang giấy này vào để cho vợ anh ký*” K đồng ý. Sau đó chị T đưa số tiền 40.000.000 đồng cho K. K cầm tiền đếm lại bảo đã đủ, sau đó K hẹn thứ 2 đầu tuần sẽ ra UBND xã Đ để lấy sổ đỏ về làm thủ tục tách sổ.

Đến khoảng 18 giờ ngày 25/01/2021, chị T đi cùng với bạn là chị Nguyễn Thị P đến nhà K để xin chữ ký của chị Vũ Thị H3. Chị H3 không biết giấy tờ gì nên không ký thì chị T nói “*Hôm qua chúng em có đến nhà chị đặt cọc tiền mua đất nhà chị và có viết giấy nhưng chị không có nhà nên chưa xin được chữ ký của chị, hôm nay em đến xin chữ ký của chị. Chị cứ ký vào đây cho em 01 chữ cho hợp lệ, chị không đi tù đâu mà sợ*”. Khi nghe chị T nói vậy thì chị H3 không đọc nội dung mà ký ghi rõ họ tên dưới mục người bán, chị T cầm giấy rồi đi về. Ngày 26/01/2021, K đến UBND xã Đ gặp ông Đặng Văn H5 - cán bộ địa chính xã hỏi sổ đỏ đất của anh Phạm Văn Á1 thì ông H5 cho biết thửa đất đó đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Quang Á từ năm 2006. Tuy nhiên để tạo lòng tin với chị T, K vẫn nói dối chị T là “*sổ đỏ vẫn ở trên huyện, UBND xã chưa lấy về*”, chị T tin tưởng không thắc mắc gì.

Khoảng 09 giờ ngày 24/02/2021, K tiếp tục đến nhà chị T ở thôn H, thị trấn N lấy thêm số tiền 5.000.000 đồng nói để làm thủ tục tách sổ đỏ, chị T tưởng thật nên tiếp tục đưa thêm cho K số tiền 5.000.000 đồng, K nhận tiền và ghi giấy vay tiền, sau đó tiêu xài cá nhân hết. Sau đó chị T nhiều lần gọi điện thoại cho K và nhiều lần đến nhà gặp hỏi về thủ tục tách sổ đỏ thì K đều nói dối: “*Em cứ yên tâm, đất này của anh thì anh sẽ bán cho em được*”. Đến ngày 18/4/2023 chị T đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT- Công an huyện V đề nghị giải quyết, đồng thời giao nộp Giấy đặt cọc tiền đất đề ngày 24/01/2021 và Giấy vay tiền đề ngày 24/02/2021.

Ngày 28/7/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định số 172 đề nghị phòng K2 Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của

Phạm Văn K, Vũ Thị H3 và Dương Quốc T2. Ngày 06/11/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V nhận được Bản kết luận giám định số 235 của Phòng K2 - Công an tỉnh H, kết luận:

“- Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn K dưới mục “Người bán” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn K trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị H3 dưới mục “Người bán” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị H3 trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Quốc T2 dưới mục “Người làm chứng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Quốc T2 trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra”.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện V đã làm việc với anh Phạm Quang Á xác định: K được bố, mẹ để chia cho quyền sử dụng 95 m² đất tại thôn Đ, xã Đ và K đã chuyển nhượng cho anh Á thửa đất đó. Năm 2006 anh Á đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 247,9 m² tại thôn Đ, xã Đ bao gồm cả phần diện tích 95 m² đất mà anh Á nhận mua của K. Do sinh sống ở nơi khác không có nhu cầu sử dụng và thấy vợ chồng K không có chỗ ở nên từ năm 2009, anh Á cho vợ chồng K sử dụng nhờ một phần thửa đất làm nơi sinh sống chứ không giao cho K được quyền bán hay chuyển nhượng đất. Việc K giao bán đất anh Á hoàn toàn không biết nên không có căn cứ xử lý đối với anh Á.

Đối với Vũ Thị H3 đã ký vào “Giấy đặt cọc tiền đất” đề ngày 24/01/2021. Tuy nhiên, chị H3 không biết K bán đất của anh Á, khi K bán đất cho chị T và anh T1 chị H3 không có nhà và khi chị H3 ký giấy đặt cọc tiền chị không đọc nội dung đồng thời K không thỏa thuận, bàn bạc gì với chị H3 và chị H3 không được hưởng lợi gì từ tiền bán đất, chị H3 không biết mảnh đất này là của anh Phạm Quang Á nên không có căn cứ xử lý đối với chị H3.

Đối với anh Dương Quốc T2, anh Nguyễn Văn L, anh Dương Tiến N không biết K lừa dối bán đất cho chị T và anh T1 nên không có căn cứ xử lý đối với anh T2, anh L và anh N.

Trách nhiệm dân sự: Chị T và anh T1 yêu cầu K bồi thường trả số tiền 45.000.000 đồng đã chiếm đoạt. K đồng ý bồi thường nhưng hiện nay vẫn chưa bồi thường.

Ngoài ra quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra: Cơ quan điều tra còn test nước tiểu đối với Phạm Văn K ngày 07/12/2023 cho kết quả Dương tính với chất ma túy. K khai sáng ngày 07/12/2023 đã mua 200.000 đồng ma túy, loại Heroin của một người nam giới (không rõ nhân thân, lai lịch) ở đường X, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh rồi mang

về nhà sử dụng. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của K.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS-VL ngày 20/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên truy tố Phạm Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn K từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 07/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn K phải hoàn trả lại cho chị Tô Thị Thanh T và anh Tô Văn T1 số tiền 45.000.0000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện V và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người làm chứng; kết

luận giám định cùng các vật chứng mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Vào các ngày 24/01/2021 và 24/02/2021 tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên và tại thôn H, thị trấn N, huyện V. Phạm Văn K biết rõ thửa đất số 260, tờ bản đồ số 27, diện tích 247,9m² tại thôn Đ, xã Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Quang Á (là anh trai của K), K biết rõ thửa đất đó không phải là tài sản của K và bị cáo cũng không có quyền chuyển nhượng thửa đất nêu trên nhưng vẫn dùng thủ đoạn gian dối để rao bán thửa đất trên cho chị Tô Thị Thanh T và anh Tô Văn T1 nhằm chiếm đoạt số tiền 45.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Sau đó thì bị phát hiện.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo buộc phải nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Với hành vi lừa đảo được số tiền 45.000.000 đồng, hành vi của K đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng, bị cáo lợi dụng lòng tin của bị hại đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang bất bình cho quần chúng nhân dân làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng, tiếp tục bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian thì mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo và phòng ngừa các hành vi tương tự xảy ra. Bị cáo hai lần nhận tiền từ bị hại, nhưng là hành vi liên tục, liên quan đến thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tài sản, nên không xác định bị cáo phạm tội hai lần trở lên.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xét đến quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; bố để bị cáo được Nhà tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị Tô Thị Thanh T và anh Tô Văn T1. Chị T và anh T1 yêu cầu bị cáo trả lại cho chị T và anh T1 số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Yêu cầu của chị T và anh T1 là hợp pháp nên buộc bị cáo phải trả lại chị T và anh T1 số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Việc bị cáo trình bày chưa ly hôn nhưng lại chung sống như vợ chồng và có con riêng với người khác là vi phạm pháp luật, Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện V, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V xử lý theo pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Tuyên bố*: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2]. *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3]. *Xử phạt*: Bị cáo Phạm Văn K 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2023.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn K phải trả chị Tô Thị Thanh T và anh Tô Văn T1 số tiền 45.000.0000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự và 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử phúc thẩm, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân, Công an huyện Văn Lâm;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Mười